**KẾ HOẠCH BÀI DẠY CHUYÊN ĐỀ CẤP TRƯỜNG**

**Thứ Ba ngày 29 tháng 10 năm 2024**

**Tiếng Việt**

**BÀI 34: AM ĂM ÂM (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:** Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng vần ***am, âm, ăm***; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần ***am, âm, ăm***; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần ***am, âm, ăm;*** viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ***am, âm, ăm***.

**2. Năng lực:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần ***am, âm, ăm*** có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm.

- Phát triển kĩ năng giao tiếp.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần *am, âm, ăm*

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học như: sâm, râm ran…

+ Sâm: một loại cây có củ và rễ dùng làm thuốc bổ.

+ Râm ran: (âm thanh) hoà vào nhau rộn rã liên tiếp, thành từng đợt.

- Hiểu biết về môi trường sống của mỗi loài vật: chim sống trên trời, cá tôm sống dưới nước, các loài thú sống trên mặt đất (có thể sống trong rừng: voi, gấu, khi, sóc, hươu, nai có thể nuôi ở nhà: chó, mèo, trâu, bò, lợn, dê,...)

- Nhận diện rõ ràng về chim, thủ, để có thể đưa dẫn chứng một cách sát thực, chính xác.

- GV: Bài giảng điện tử

- HS: Bảng cài, thẻ chữ.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động (2-3’)**  - Cho HS đọc lại bài 22.  - GV nhận xét tuyên dương.  **2. Nhận biết (3-4’)**  - Gv đưa tranh MH, yêu cầu HS trao đổi cặp đôi.  - Em thấy gì trong tranh?  - GV nêu nội dung tranh: Chú nhện đang nhìn ngắm tấm lưới mà mình vừa dệt, tấm lưới rất đẹp. Nội dung bức tranh này được thể hiện trong câu sau *Nhện ngắm nghía tấm lưới vừa làm xong.*  **-** GV đoc mẫu.  - GV: trong câu trên có tiếng *ngắm* chứa vần *ăm*, tiếng *tấm* chứa vần *âm*, tiếng *làm* chứa vần *am* là 3 vần mới hôm nay cô dạy các em qua bài 34: *am, ăm âm* (GV ghi bảng)  **3. Đọc (17- 19’)**  **a. Đọc vần**  - GV giới thiệu vần: *am, ăm, âm.*  - So sánh các vần *am, ăm âm* để tìm ra điểm giống và khác nhau.  - GV: 3 vần hôm nay các em học giống nhau kết thúc là âm m, khác nhau ở âm bắt đầu *a, ă, â.*  - GV đánh vần mẫu vần: *am, ăm, âm*.  - Y/c Hs đọc trơn các vần.  - Các em hãy ghép cho cô vần *ăm.*  - GV yc phân tích cho cô vần *ăm*.  - GV yêu cầu ghép nhanh cho cô vần *âm*  - Em làm thế nào ghép nhanh được như thế?  - GV nx tuyên dương.  - GV yc ghép tiếp cho cô vần *am.*  - GV nhận xét.  **b. Đọc tiếng**  Có vần *am* hãy cài thêm âm l vào trước vần am, thanh huyền trên a.  - Em ghép đước tiếng gì?  - Hãy phân tích tiếng làm?  - GV đưa tiếng *làm* vào mô hình.  - GV bằng cách thêm âm đầu và thay dấu thanh khác em hãy tìm và ghép 1 tiếng chứa một trong 3 vần.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Gv đưa các tiếng*: cam, khám, ẵm, cằm, đậm, nhẩm.*  - Tiếng *cam* và tiếng *kham* chứa vần gì?  - Tiếng ẵm, tiếng cằm chứa vần gì?  ? Những tiếng nào chứa vần âm.  - GV nhận xét.  - GV gọi HS đọc lại bài.  **c. Đọc từ**  - GV đưa quả cam hỏi:  - Trên tay cô có quả gì?  - GV gới thiệu từ khóa thứ nhất: *quả cam*  - Trong từ quả cam tiếng nào chứa vần hôm nay các em học?  - GV đọc từ *cam.*  - GV cho HS quan sát *hộp tăm*.  - Đây là đồ vật gì?  - Tăm dùng để làm gì?  - GV giới thiệu tăm được làm từ tre hàng ngày dùng để ...  - GV giới thiệu từ khóa thứ 2: *Tăm tre*  - Phân tích tiếng *tăm*  - GV đưa tranh 3 thực hiện tương tự.  + GV lưu ý: Khi đọc từ các em đọc liền các tiếng trong từ.  *-* GV nhận xét  **d. Đọc lại các tiếng, từ.**  - Cho HS đọc lại toàn bảng.  Chuyển ý: Vừa rồi cô đã các em đã đọc rất tốt, bây giờ cô hướng dẫn các em viết các vần...  **4. Viết bảng (9- 10’)**  **-** Gv chỉ chữ *am*.  - Chữ *am* được viết bằng mấy con chữ, đó là những con chữ nào?  - Nêu độ cao mỗi con chữ?  - GV hướng dẫn viết: Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút viết con chữ a, từ điểm kết thúc của chữ a nối liền với con chữ m dừng bút ở đường kẻ 2 viết được chữ *am*.( lưu ý điểm kết thúc của chữ a lối liền với nét móc xuôi của chữ m).  - GV viết mẫu.  - Tưng tự chữ *ăm, âm*  - Nhận xét cách viết của chữ am, ăm có gì giống và khác nhau?  - GV viết mẫu.  - GV chỉ từ *“tăm tre”*  - Từ tăm tre được viết bằng những chữ nào?  - Nêu độ cao các con chữ trong từ *tăm tre*.  - Khoảng cách giữa chữ tăm và chữ tre là bao nhiêu?  - GV nêu quy trình viết.  - GV chỉ từ *“củ sâm”*  - Từ củ sâm được viết bằng mấy chữ?  - Nêu khoảng cách giữa 2 chữ trong từ?  - GV hướng dẫn viết.  - GV viết mẫu  - GV HD từ lưu ý khoảng cách giữa hai tiếng và điểm nối  - Cho HS viết bảng chữ *tăm, sâm.*  - GV nhận xét tuyên dương.  **5. Củng cố: (1-2’)**  - Hôm nay học bài gì?  - GV nhận xét chung giờ học. | - Hát.  - 1-2 HS đọc.  - HS quan sát và trả lời.  - Có nhện đang chăng tơ...  - HS đọc ĐT.  - HS đọc dãy.  - HS đánh vần dãy - tổ - ĐT  - Giống nhau cả ba vần đều có 2 âm, có âm m đứng sau. Khác nhau âm đứng trước.  - HS đánh vần: CN, T, ĐT  - HS đọc trơn: tổ 1, 2, 3  - HS cài vần ăm - Nhận xét.  - HS phân tích – nx.  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS cài - Đọc tiếng mình cài.  - HS thực hiện cài.  - HS nếu .  - HS phân tích cá nhân.  - HS đánh vần: CN, T, ĐT.  - HS đọc trơn: CN, T, ĐT.  - HS đọc lại mô hình: 1-2 em.  - HS tìm tiếng.  - HS đọc tiếng tìm được, lớp đánh vần.  - HS đánh vần, đọc trơn: CN, T, ĐT  - Chứa vần *am.*  - HS nêu – nx.  - HS nêu tiếng đậm, tiếng nhẩm.  - HS đánh vần các tiếng - đọc trơn - Cá nhân – dãy  - 1 - 2 HS đọc cả bài.  - HS quan sát rồi TL.  - …quả cam.  - HS đọc: 3- 4 em.  - HS nêu; Tiếng *cam* chứa vần *am*.  - HS đánh vần tiếng cam.  - HS đọc trơn: CN, ĐT.  - … Hộp tăm.  - HS nêu ý hiểu.  - Đọc cá nhân- nhóm 2, ĐT.  - HS đánh vần dãy- ĐT.  - HS đọc trơn từ 1-2 em.  - HS đọc từ.  - 2- 3 HS đọc các từ.  - 1-2 HS đọc  - HS đọc.  - 2 con chữ đó là chữ a và m.  - HS nêu: *am* cao 2 dòng ly.  - HS quan sát.  - HS đọc chữ *ăm.*  - HS nêu ý hiểu.  - HS quan sát.  - HS viết bảng *am, ăm, âm*.  - HS đọc trơn.  - Viết bằng chữ *tăm* và chữ *tre.*  - Chữ t cao 2 ô ly, chữ a, m, e cao 1 ô.  - Khoảng cách bằng 1 ô.  - …2 chữ *củ* và chữ *sâm*  - Khoảng cách bằng nửa thân chữ o  - HS đọc trơn.  - HS quan sát.  - HS nêu.  - HS viết bảng.  - Nhận xét bài bạn. |